TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 07/ 5/ 2019
V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Quang Khải
2. Ông: Lò Văn Thương.

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/04/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vì Văn T, sinh năm 1985.
Trú tại: Bản N 1, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Chị Lò Thị Ph, sinh năm 1990.
Trú tại: Bản Na 1, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(*Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/01/2019 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, anh Vì Văn T (nguyên đơn)trình bày:

1. Về hôn nhân: Năm 2004 tôi và cô Lò Thị Ph được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và sống chung với nhau, nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2006 vợ tôi sinh được cháu đầu đặt tên là Vì Văn H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 do tôi nghiện ma túy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên không thể sống chung với nhau được nữa. Vì vậy

tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết việc chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa tôi và cô Ph.

2. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên là Vì Văn H, sinh ngày 10/02/2006, hiện cháu đang ở với vợ tôi tại Bản Na 1, xã N, huyện Điện Biên. Theo nguyện vọng của cháu là muốn ở với mẹ. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết giao cháu H cho cô Ph được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2019 và trong quá trình giải quyết chị Lò Thị Ph (bị đơn) trình bày nh sau:

1. Về hôn nhân: Năm 2004 tôi và anh Vì Văn T yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức làm đám cưới chúng tôi chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2006 tôi sinh cháu Vì Văn H, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì tôi phát hiện anh T có sử dụng ma túy, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tôi đã nhiều lần khuyên bảo anh T, và cho cơ hội cai nghiện nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, dẫn đến không thể sống chung với nhau được nữa, tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa tôi và anh T tôi nhất trí, không có ý kiến gì.

2. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên là Vì Văn H, sinh ngày 10/02/2006, hiện cháu đang ở với tôi tại Bản N 1, xã N, huyện Điện Biên. Theo nguyện vọng của cháu là muốn ở với mẹ. Vậy tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 01/4/2019, chính quyền địa phương xã N huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Anh Vì Văn T và chị Lò Thị Ph đều có hộ khẩu thường trú tại Bản N 1, xã N, huyện Điện Biên. Anh T và chị Ph chỉ tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh T và chị Ph thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân do anh T có khai là đã nghiện chất ma túy, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị Ph đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Anh T và chị Ph có 01 con chung là cháu Vì Văn H, sinh ngày 10/02/2006. Cháu H đã lớn, việc giao cháu H cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét vào điều kiện, hoàn cảnh phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho cháu được phát triển tốt về mọi mặt. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xem xét giải quyết giao con chung cho ai chăm sóc nuôi dưỡng cho hợp lý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền theo điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhận đơn khởi kiện, Chánh án phân công thẩm phán xem xét đơn, phân công thẩm phán, thư ký giải quyết vụ án theo Điều 47, 197 Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định mối quan hệ pháp luật, chấp hành đúng theo khoản 1 Điều 28; Điều 48, 191 Bộ Luật tố tụng dân sự; thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ, hợp pháp; thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát đầy đủ các văn bản tố tụng; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vì Văn T và chị Lò Thị Ph.

- Về con chung: Anh T và chị Ph có 01 con chung là Vì Văn H, sinh ngày 10/02/2006, hiện cháu H đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Anh T và chị Ph đều nhất trí để chị Ph trực tiếp chăm sóc cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của các đương sự và nguyện vọng của cháu H, giao cháu H cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng: Anh T và chị Ph không yêu cầu về cấp dưỡng nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích đất ruộng nương: Không có.

- Về án phí: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định thì anh Vì Văn T là dân tộc thiểu số cư trú tại thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg, ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, nên anh T được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" giữa anh Vì Văn T và chị Lò Thị Ph thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Vì Văn T và chị Lò Thị Ph đều khai và công nhận năm

2004 vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSDNTC-BTP ngày 03/01/2001 thì xác định mối quan hệ giữa anh T và chị Ph được coi là nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng. Anh T và chị Ph chung sống với nhau là tự nguyện, không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có sử dụng chất ma túy, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị Ph đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2008 cho đến nay. Anh T và chị Ph đều xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết việc chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Ph. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vì Văn T và chị Lò Thị Ph.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị Ph đều khai và công nhận vợ chồng có 01 con chung là: Vì Văn H, sinh ngày 10/02/2006. Cháu H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết giao cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con anh T và chị Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Ph nhất trí với nguyện vọng của cháu H và nhất trí với đề nghị của anh T. Tại bản tự khai ngày 10/01/2019 của cháu V đã khai và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của anh T, chị Ph và nguyện vọng của cháu H và xem xét về điều kiện, hoàn cảnh để cho cháu H có cuộc sống ổn định và sự phát triển về mọi mặt của cháu được tốt hơn. Do vậy nguyện vọng của anh T, chị Ph, cháu H là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật. Nên HĐXX chấp nhận với nguyện vọng của anh T, chị Ph, cháu H, giao cháu H cho chị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi sống bản thân.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị Ph tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[2.4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T và chị Ph đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không có. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2. 5].Về án phí: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định thì Anh Vì Văn T là dân tộc thiểu số cư trú tại thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg, ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, nên anh T được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 70, 71; 72; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vì Văn T và chị Lò Thị Ph.

2. Về con chung: Chị Lò Thị Ph được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Vì Văn H, sinh ngày 10/02/2006 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con anh T và chị Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định thì Anh Vì Văn T là dân tộc thiểu số cư trú tại thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg, ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ, nên anh T được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/05/2019)./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện ĐB;
- Chi cục THA huyện ĐB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lò Văn Thương	**Vũ Thị Thanh Thủy**	**Nguyễn Quang Khải**